



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - HÀ NỘI

Địa chỉ: A2- CN8 Cụm CN Từ Liêm - P. Phương Canh - Q. Nam Từ Liêm. TP Hà Nội

Tel: (+84) 24. 3765 3338. Fax: (+84) 24 3 765 3336.

Mã số thuế: 0102314051

Email: info@sabecohanoi.com.vn

Website: www.sabecohanoi.com.vn

Số 73/BSGHN

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ
NƯỚC/ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi :

- Ủy ban chứng khoán Nhà Nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

- Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – HÀ NỘI**
- Mã chứng khoán: BSH
- Địa chỉ trụ sở chính: A2-CN8, Cụm công nghiệp Từ Liêm, Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 024.37653338 Fax: 024.37653336
- Người thực hiện công bố thông tin: Ông Vương Thừa Đại
- Chức vụ: Thư ký Công ty.
- Loại thông tin công bố: ☒ định kỳ ☐ bất thường ☐ 24h ☐ theo yêu cầu

Nội dung công bố thông tin:

- Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội công bố Báo cáo tài chính riêng Quý 1 năm 2021

Tôi cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP.



Vương Thừa Đại

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Quý 1 năm 2021



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận	0102314051	ngày 6 tháng 7 năm 2007
Đăng ký Doanh nghiệp số	0102314051	ngày 25 tháng 9 năm 2017

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0102314051 ngày 25 tháng 9 năm 2017. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lâm Du An	Chủ tịch
Ông Trương Hùng Dũng	Thành viên
Ông Đinh Văn Thuận	Thành viên
Ông Văn Thảo Nguyên	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Lộc	Thành viên – đến ngày 30/03/2021
Bà Nguyễn Thị Bích Hà	Thành viên – từ ngày 31/03/2021

Ban Kiểm soát

Ông Đặng Thái Bình	Trưởng Ban - đến ngày 30/03/2021
Bà Lê Thị Hiền	Trưởng Ban – từ ngày 31/03/2021
Bà Nguyễn Thị Nga	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bích Hà	Thành viên – đến ngày 30/03/2021
Ông Nguyễn Hoàng Hiệp	Thành viên – từ ngày 31/03/2021

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Hữu Lộc	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Biên	Phó Giám đốc
Ông Lê Viết Quý	Phó Giám đốc
Ông Lê Thanh Tùng	Phó Giám đốc
Bà Bùi Thị Thanh Ngọc	Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký

Lô A2 CN8, Cụm Công nghiệp Từ Liêm
Phường Phương Canh
Quận Nam Từ Liêm
Thành phố Hà Nội
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 3 năm 2021

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/3/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		264.749.516.463	300.994.570.436
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		167.879.459.166	216.909.989.474
Tiền	111		12.679.459.166	3.109.989.474
Các khoản tương đương tiền	112		155.200.000.000	213.800.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.000.000.000	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10.000.000.000	
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		29.300.340.208	23.773.677.273
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		24.159.670.900	20.632.774.536
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.551.759.429	2.905.245.000
Phải thu ngắn hạn khác	136		588.909.879	235.657.737
Hàng tồn kho	140		56.928.708.418	59.125.657.600
Hàng tồn kho	141		68.224.300.395	70.728.341.744
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(11.295.591.977)	(11.602.684.144)
Tài sản ngắn hạn khác	150		641.008.671	1.185.246.089
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		641.008.671	862.488.342
Thuế phải thu Nhà nước	153		-	322.757.747
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		115.893.158.869	126.312.169.953
Các khoản phải thu dài hạn	210		10.000.000	10.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		10.000.000	10.000.000
Tài sản cố định	220		105.576.690.556	114.848.970.054
Tài sản cố định hữu hình	221		104.823.054.595	114.006.838.959
Nguyên giá	222		696.016.501.043	696.016.501.043
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(591.193.446.448)	(582.009.662.084)
Tài sản cố định vô hình	227		753.635.961	842.131.095
Nguyên giá	228		1.411.941.589	1.411.941.589
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(658.305.628)	(569.810.494)
Tài sản dở dang dài hạn	240			-
Xây dựng cơ bản dở dang	242			-
Tài sản dài hạn khác	260		10.306.468.313	11.453.199.899
Chi phí trả trước dài hạn	261		8.006.746.667	9.092.059.820
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.299.721.646	2.361.140.079
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		380.642.675.332	427.306.740.389

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/3/2021 VND	1/1/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		114.994.010.737	155.999.427.635
Nợ ngắn hạn	310		114.790.994.487	155.796.411.385
Phải trả người bán ngắn hạn	311		22.838.444.227	9.072.844.764
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		953.597.236	1.010.317.797
Thuế phải nộp Nhà nước	313		46.929.319.486	71.490.422.269
Phải trả người lao động	314		3.805.447.030	4.583.539.586
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.652.526.453	1.421.187.772
Phải trả ngắn hạn khác	319		7.557.371.224	7.211.872.555
Vay ngắn hạn	320		25.758.262.389	55.805.010.701
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.296.026.442	5.201.215.941
Nợ dài hạn	330		203.016.250	203.016.250
Dự phòng phải trả dài hạn	342		203.016.250	203.016.250
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		265.648.664.595	271.307.312.754
Vốn chủ sở hữu	410		265.648.664.595	271.307.312.754
Vốn cổ phần	411		180.000.000.000	180.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		180.000.000.000	180.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		6.157.486.522	6.157.486.522
Quỹ đầu tư phát triển	418		33.968.770.588	33.968.770.588
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		45.522.407.485	51.181.055.644
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		43.048.995.144	33.317.916.690
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		2.473.412.341	17.863.138.954
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		380.642.675.332	427.306.740.389

Ngày 14 tháng 04 năm 2021

Người lập



Lê Thị Ngọc Hà

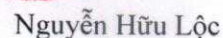
Kế toán trưởng



Bùi Thị Thanh Ngọc

Giám đốc




Nguyễn Hữu Lộc

Công ty Cổ phần Bìa Sài Gòn - Hà Nội
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vào ngày 31 tháng 3 năm 2021

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Quý 1	Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	Mẫu B 02a - DN
						Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		113.649.251.319		72.810.040.353	113.649.251.319	72.810.040.353
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		113.649.251.319		72.810.040.353	113.649.251.319	72.810.040.353
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10						
4. Giá vốn hàng bán	11		106.143.734.408		73.761.472.332	106.143.734.408	73.761.472.332
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		7.505.516.911		(951.431.979)	7.505.516.911	(951.431.979)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.332.902.995		879.370.058	1.332.902.995	879.370.058
7. Chi phí tài chính	22		371.632.198		167.325.386	371.632.198	167.325.386
8. Chi phí bán hàng	25		773.190.283		1.143.281.338	773.190.283	1.143.281.338
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		4.243.617.471		4.506.011.725	4.243.617.471	4.506.011.725
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		3.449.979.954		(5.888.680.370)	3.449.979.954	(5.888.680.370)
11. Thu nhập khác	31		1.899.874.013		7.643.665	1.899.874.013	7.643.665
12. Chi phí khác	32		246.915.110		5.117.727	246.915.110	5.117.727
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.652.958.903		2.525.938	1.652.958.903	2.525.938
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		5.102.938.857		(5.886.154.432)	5.102.938.857	(5.886.154.432)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.605.358.082		406.268.217	1.605.358.082	406.268.217
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		61.418.433		12.482.139	61.418.433	12.482.139
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		3.436.162.342		(6.304.904.788)	3.436.162.342	(6.304.904.788)

Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Hà

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ngọc Hà

Ngày 14 tháng 04 năm 2021



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ngọc Hà

KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Thị Ngọc Hà

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (VNĐ)	
			Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		5.102.938.857	(5.886.154.432)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		9.272.279.498	17.434.656.845
Các khoản dự phòng	03		(307.092.167)	(62.410.696)
Thu nhập lãi tiền gửi	05		1.331.084.917	869.346.915
Chi phí lãi vay	06		400.454.642	165.654.794
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		15.799.665.747	12.521.093.426
Biến động các khoản phải thu	09		(5.203.905.188)	33.384.925.928
Biến động hàng tồn kho	10		2.504.041.349	(12.106.919.333)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(13.810.741.157)	(61.908.738.952)
Biến động chi phí trả trước	12		1.306.792.824	1.438.720.744
			595.853.575	(26.670.918.187)
Tiền lãi vay đã trả	14		(400.454.642)	(234.304.657)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.605.358.082)	(5.865.485.087)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			2.947.396.363
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(94.810.501)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.504.769.650)	(29.823.311.568)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21			(309.301.200)
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(10.000.000.000)	-
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24			38.500.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27		1.520.987.654	1.959.571.572
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(8.479.012.346)	40.150.270.372

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 31 tháng 3 năm 2021

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (VNĐ)	
		Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	161.805.031.452	79.000.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(191.851.779.764)	(89.300.000.000)
Tiền chi trả cổ tức	36	(9.000.000.000)	(18.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(39.046.748.312)	(28.300.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(49.030.530.308)	(17.973.041.196)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	216.909.989.474	63.950.355.090
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	167.879.459.166	45.977.313.894

Ngày 14 tháng 04 năm 2021

Người lập



Lê Thị Ngọc Hà

Kế toán trưởng



Bùi Thị Thanh Ngọc

Giám đốc



Nguyễn Hữu Lộc

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 31 tháng 3 năm 2021

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 31 tháng 3 năm 2021

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

(d) Khoản phải thu

Khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	7 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 15 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 31 tháng 3 năm 2021

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 31 tháng 3 năm 2021

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 31 tháng 3 năm 2021

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê trong suốt thời hạn thuê.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 31 tháng 3 năm 2021

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 31 tháng 3 năm 2021

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/03/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền mặt	184.475.791	166.984.643
Tiền gửi ngân hàng	12.494.983.375	2.943.004.831
Các khoản tương đương tiền	155.200.000.000	213.800.000.000
	167.879.459.166	216.909.989.474

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất từ 3,0% đến 3,3% một năm (1/1/2020: 3,0 đến 3,7% một năm).

4. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/03/2021 VND	1/1/2021 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	23.934.582.892	20.632.774.536
Các khách hàng khác	225.088.008	-
	24.159.670.900	20.632.774.536

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/03/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	23.934.582.892	20.632.774.536

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 31 tháng 3 năm 2021

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Hàng tồn kho

	31/03/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	23.124.810.071		25.692.658.811	-
Công cụ và dụng cụ	15.911.853.788	(11.295.591.977)	16.068.412.003	(11.602.684.144)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	16.309.874.955		19.417.405.186	-
Thành phẩm	11.296.029.601		9.366.339.641	-
Hàng hóa	6.429.096		6.429.096	-
Hàng gửi đi bán	-		177.097.007	-
Hàng đi đường	1.575.302.884			
	68.224.300.395	(11.295.591.977)	70.728.341.744	(11.602.684.144)

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu kỳ	11,602,684,144	7.388.034.468
Dự phòng trích lập trong năm	307,092,167	4.214.649.676
Số dư cuối kỳ	11.295.591.977	11.602.684.144

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Số dư đầu kỳ

Tăng trong kỳ

Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang

Nhà cửa,
vật kiến trúc
VND

Máy móc và
thiết bị
VND

Phương tiện
vận chuyển
VND

Thiết bị
văn phòng
VND

Tổng
VND

58.127.038.224

624.522.223.725

7.907.289.410

5.459.949.684

696.016.501.043

-

-

-

-

-

Số dư cuối kỳ

58.127.038.224

624.522.223.725

7.907.289.410

5.459.949.684

696.016.501.043

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu kỳ

Khấu hao trong kỳ

Số dư cuối kỳ

25.201.217.362

548.248.914.511

5.554.188.091

3.005.342.120

582.009.662.084

636.085.306

8.188.079.649

116.826.455

242.792.954

9.183.784.364

25.837.302.668

556.436.994.160

5.671.014.546

3.248.135.074

591.193.446.448

Giá trị còn lại

Số dư đầu kỳ

Số dư cuối kỳ

32.925.820.862

76.273.309.214

2.353.101.319

2.454.607.564

114.006.838.959

32.289.735.556

68.085.229.565

2.236.274.864

2.211.814.610

104.823.054.595

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 315.577 triệu VND (1/1/2021: 302.645 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 31 tháng 3 năm 2021

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

7. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	1.411.941.589
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	
Số dư cuối kỳ	1.411.941.589
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	569.810.494
Khấu hao trong kỳ	88.495.134
Số dư cuối kỳ	658.305.628
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	842.131.095
Số dư cuối kỳ	753.635.961

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 350 triệu VND (1/1/2021: 350 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

8. Chi phí trả trước dài hạn

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	7.659.872.111	1.432.187.709	9.092.059.820
Tăng trong kỳ	-	640.936.318	640.936.318
Phân bổ trong kỳ	1.249.897.111	476.352.360	1.726.249.471
Số dư cuối kỳ	6.409.975.000	1.596.771.667	8.006.746.667

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 31 tháng 3 năm 2021

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

9. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/03/2021	1/1/2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng Lượng Xanh	832.687.583	1.786.421.190
Công ty cổ phần Hanacans	1.216.356.045	1.168.376.079
Công ty Cổ phần Lương thực Hà Nam Ninh	1.207.061.040	969.612.000
Công ty TNHH Thương Mại và Vận tải Thái Tân	563.152.920	789.512.405
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	16.229.692.030	479.627.918
Các nhà cung cấp khác	2.789.494.609	3.879.295.172
	22.838.444.227	9.072.844.764

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/03/2021	1/1/2021
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	16.229.692.030	479.627.918
Bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	68.200.000	68.200.000

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ và bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

0. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cần trừ trong năm VND	Chuyển sang thuế phải thu VND	31/03/2021 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	63.754.767.610	121.054.729.361	144.466.120.054			40.343.376.917
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(30.984.490)	1.605.358.082	99.582.879			1.474.790.713
Thuế giá trị gia tăng	7.735.654.659	23.340.095.651	17.483.916.907	8.508.398.153		5.083.435.250
Thuế thu nhập cá nhân	(291.773.257)	635.034.391	315.544.528			27.716.606
	71.167.664.522	146.635.217.485	162.365.164.368	8.508.398.153		46.929.319.486

1. Phải trả ngắn hạn khác

	31/03/2021 VND	1/1/2021 VND
Nhận ký quỹ ngắn hạn	7.151.664.725	6.653.764.725
Phải trả ngắn hạn khác	405.706.499	558.107.830
	7.557.371.224	7.211.872.555

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***12. Vay ngắn hạn**

	1/1/2021 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/03/2021 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	55,805,010,701	161.805.031.452	(191.851.779.764)	25,758,262,389

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất	31/03/2021 VND	1/1/2021 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (a)	VND	3,25%		55.805.010.701
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (b)	VND	2,9%	15.000.000.000	-
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Shinhan Việt Nam (c)		2,9%	10.758.262.389	
			25.758.262.389	55.805.010.701

- (a) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 90.000 triệu VND và không có đảm bảo.
- (b) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 120.000 triệu VND và không có đảm bảo.
- (c) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 70.000 triệu VND và không có đảm bảo.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 31 tháng 3 năm 2021****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	31/03/2021 VND	01/01/2020 VND
Số dư đầu kỳ	5.201.215.941	7.540.104.852
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 14)	962.750.001	5.200.400.000
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 14)	(867.939.500)	(1.197.545.477)
Sử dụng trong kỳ	-	(6.341.743.434)
Tăng khác	-	-
Số dư cuối kỳ	5.296.026.442	5.201.215.941

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	180.000.000.000	6.157.486.522	33.968.770.588	50.120.371.213	270.246.628.323
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	23.219.489.175	23.219.489.175
Cổ tức	-	-	-	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 13)	-	-	-	(5.200.400.000)	(5.200.400.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 13)	-	-	-	1.197.545.477	1.197.545.477
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	-	(155.950.221)	(155.950.221)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	180.000.000.000	6.157.486.522	33.968.770.588	51.181.055.644	271.307.312.754
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	3.436.162.342	3.436.162.342
Cổ tức (Thuyết minh 16)	-	-	-	(9.000.000.000)	(9.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 13)	-	-	-	(962.750.001)	(962.750.001)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 13)	-	-	-	867.939.500	867.939.500
Số dư tại ngày 31 tháng 03 năm 2021	180.000.000.000	6.157.486.522	33.968.770.588	45.522.407.485	265.648.664.595

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

15. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/03/2021 và 1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt		
Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	180.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	180.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức như đã được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong các năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021.

16. Cổ tức

Trong quý 1 năm 2021, Công ty đã tạm ứng 5% cổ tức từ lợi nhuận năm 2020 số tiền 9 tỷ đồng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/03/2021 VND	1/1/2021 VND
Trong vòng một năm	4.015.125.780	4.294.173.780
Từ hai đến năm năm	16.060.503.120	16.060.503.120
Sau năm năm	123.799.711.550	124.803.492.995
	<hr/>	<hr/>
	143.875.340.450	145.158.169.895

(b) Ngoại tệ

	31/03/2021		1/1/2021	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	13.275	305.164.889	11	242.571
EUR	111	2.965.950	111	2.965.950
		<hr/>		<hr/>
		308.130.839		3.208.521

18. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	Giai đoạn 3 tháng kết thúc ngày	
	31/03/2021 VND	31/03/2020 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	112.977.986.728	72.116.409.189
▪ Doanh thu khác	671.264.591	693.631.164
	<hr/>	<hr/>
	113.649.251.319	72.810.040.353

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***19. Giá vốn hàng bán**

Tổng giá vốn hàng bán

- Thành phẩm đã bán
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- Giá vốn khác

Giai đoạn 3 tháng kết thúc ngày

31/03/2021	31/03/2020
VND	VND
106.367.872.875	73.663.422.214
(307.092.167)	(62.410.696)
82.953.700	160.460.814
<hr/>	<hr/>
106.143.734.408	73.761.472.332
<hr/>	<hr/>

20. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi có kỳ hạn

Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện

Giai đoạn 3 tháng kết thúc ngày

31/03/2021	31/03/2020
VND	VND
1.331.084.917	869.346.915
1.818.078	10.023.143
<hr/>	<hr/>
1.332.902.995	879.370.058
<hr/>	<hr/>

21. Chi phí bán hàng

Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí nhân viên

Chi phí công cụ, dụng cụ

Chi phí bán hàng khác

Giai đoạn 3 tháng kết thúc ngày

31/03/2021	31/03/2020
VND	VND
354.518.922	425.799.216
299.055.368	373.977.925
56.092.345	299.002.366
63.523.648	44.501.831
<hr/>	<hr/>
773.190.283	1.143.281.338
<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***22. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Giai đoạn 3 tháng kết thúc ngày	
	31/03/2021 VND	31/03/2020 VND
Chi phí nhân viên	2.528.645.618	2.535.088.677
Chi phí dịch vụ mua ngoài	931.755.484	924.547.709
Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ	194.622.624	144.182.496
Chi phí khấu hao TSCĐ	90.916.251	93.903.291
Chi phí quản lý khác	497.677.494	808.289.552
	4.243.617.471	4.506.011.725

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

	Giai đoạn 3 tháng kết thúc ngày	
	31/03/2021 VND	31/03/2020 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.605.358.082	406.268.217
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	61.418.433	12.482.139
	1.666.776.515	418.750.356

(b) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Ngày 14 tháng 04 năm 2021**Người lập****Lê Thị Ngọc Hà****Kế toán trưởng****Bùi Thị Thanh Ngọc****Giám đốc****Nguyễn Hữu Lộc**